

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Lê Hữu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1996.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị H và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Lê Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh T có tính gia trưởng, bảo thủ, không tôn trọng vợ, thường xuyên uống rượu và nhiều lần xúc phạm, chửi rủa chị không làm ra tiền, ăn bám, đánh chị, đốt hàng quần áo mà chị bán. Anh T không công khai tiền bạc, sử dụng tiền vào mục đích gì cũng không bàn bạc với vợ. Chị còn phát hiện anh T ngoại tình khi chị đang mang thai. Hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ

tháng 9/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị không có ý định đi nước ngoài như anh T khai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị không đồng ý đoàn tụ. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Anh Hà M, sinh ngày 31/12/2021 và cháu Lê Minh Th, sinh ngày 13/02/2023. Hiện nay các cháu đang ở với chị tại thôn 5, xã Q, huyện Q tại nhà bố mẹ đẻ của chị. Các cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển tốt, không bị đánh đập bạo hành. Trong đơn khởi kiện chị có nguyện vọng nuôi cả 2 con, nhưng do điều kiện kinh tế, thu nhập thấp nên chị không thể nuôi cả hai con được. Chị tự nguyện nhường quyền nuôi cháu Hà M cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị nuôi cháu Minh Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại chị đang bán hàng online, mức thu nhập bình quân là 4.000.000đ/tháng. Bố mẹ chị khỏe mạnh, tạo điều kiện về nơi ở và giúp đỡ chị trong việc chăm sóc cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 23/11/2023 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lê Minh T trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh uống rượu không kiềm chế được nên có đánh chị H 02 lần. Chị H muốn đi ra nước ngoài làm ăn kinh tế, anh không đồng ý nên anh bức xúc đốt hàng quần áo của vợ chồng. Vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Anh vẫn còn tình cảm với chị H, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh chưa có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Anh Hà M, sinh ngày 31/12/2021 và cháu Lê Minh Th, sinh ngày 13/02/2023. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H tại thôn 5, xã Q, huyện Q tại nhà bố mẹ đẻ chị H. Tình huống anh vẫn đón cháu Hà M về chơi với anh và ông bà nội. Các cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn, phát triển bình thường, không bị đánh đập bạo hành. Nếu trong trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà M, chị H nuôi dưỡng cháu Minh Th. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh kinh doanh sơn nước, buôn bán hàng khô ở chợ đầu mối phía Tây thành phố Thanh Hóa. Mức thu nhập bình quân là 10.000.000đ/tháng. Anh hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con. Bố mẹ anh đang còn khỏe, ông bà sẽ giúp đỡ anh chăm sóc cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 22 tháng 12 năm 2023 đại diện chính quyền UBND xã Đ, huyện T cung cấp: Chị Lê Thị H và anh Lê Minh T được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/4/2021. Nguyên nhân vợ chồng anh T và chị H mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân. Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Lê Anh Hà M sinh ngày 31/12/2021 và cháu Lê Minh Th sinh ngày 13/02/2023, các cháu đang ở với chị H. Chị H và anh T có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, chấp hành tốt pháp luật và có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký và nguyên đơn tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Minh T. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Minh Th cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Hà M cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét. Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2]. Về phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 05 tháng 4 năm 2021 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T hay uống rượu không kiềm chế được bản thân, có hành vi bạo lực đối với chị H dẫn đến tình cảm rạn nứt và phải sống ly thân. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù đã được gia đình và Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay chị H và anh T vẫn

sống ly thân, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Minh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Anh Hà M, sinh ngày 31/12/2021 và cháu Lê Minh Th, sinh ngày 13/02/2023.

Xét nguyện vọng, điều kiện nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự: Chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng. Các đương sự đều có sức khỏe, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Tại Biên bản hòa giải ngày 19/12/2023, các đương sự thỏa thuận: Chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Minh Th, anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Hà M, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cho đến ngày xét xử, không có đương sự nào thay đổi thỏa thuận về nuôi con. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Minh Th cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Hà M cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình nuôi dưỡng, trường hợp một bên không còn đủ điều kiện nuôi con, thì bên kia có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Minh Th sinh ngày 13/02/2023; giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Anh Hà M sinh ngày 31/12/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002700 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu